

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận.
2. Bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Đức Lợi, TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước. (có mặt).

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 391 đường Tr, TT E, huyện C, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày đề ngày 01/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị T và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến ngày 04/01/2016 mới đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 01/2016 ngày 04/01/2016 của Ủy ban nhân dân TT E, huyện C, tỉnh Đ.

Chị T và anh B chung sống hạnh phúc một thời gian. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu tôn trọng, không tin tưởng nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, Chị T và anh B đã sống ly thân từ cuối

năm 2017 cho đến nay. Xét vợ chồng T cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là Tr, sinh ngày 20/03/2015; con hiện nay đang được anh B và ông bà nội nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ ai.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn anh B vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung, theo biên bản xác minh ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút thì cháu Tr hiện nay đang sinh sống với anh B và ông bà nội, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bị đơn đảm bảo, cháu Tr phát triển B thường, khỏe mạnh đề nghị HĐXX chấp nhận giao con cho B tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh B. Anh B có hộ khẩu thường trú và trú tại tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh D. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Anh B đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 208, Điều 209 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T khai nhận chị và anh B chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND TT E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 04/01/2016 đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên HĐXX xác định hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp. Chị T và anh B chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm đầu, đến cuối năm 2017 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu tôn trọng, không tin tưởng nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, chị T và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không còn T cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là Tr, sinh ngày 20/03/2015; cháu Trinh hiện nay đang được anh B và ông bà nội nuôi dưỡng. Xét anh B đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển B thường của con nên HĐXX chấp nhận giao con cho anh B nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp anh B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, chị T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định tại các Điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh B không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét, anh B có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn anh B. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyền số 01/2016 ngày 04/01/2016 của Ủy ban nhân dân TT E, huyện C, tỉnh Đ) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Tr, sinh ngày 20/03/2015 cho anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong trường hợp anh B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, chị T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002449 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND TT E;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Trúc Linh